TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST
Ngày 12-01-2021
"V/v ly hôn, nuôi con chung giữa chị Th - anh L"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Minh Đức

- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Đặng Ngọc Tân.

2. Bà Phạm Thị Thúy Mùi.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Viết Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 306/2020/TLST–HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐHPT-ST ngày 05/01/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(*Tại phiên tòa có mặt chị Th, vắng mặt anh L*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Th trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn L tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Q vào ngày 06/02/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống và làm tự do. Trong quá trình chung sống, do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Đầu năm 2020 mâu thuẫn căng thẳng, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề

nghị xin được ly hôn anh L.

Về con chung: Chị Th khai vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thùy Ch, sinh ngày 25/4/2018, ly hôn xảy ra chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Th khai vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn L: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và tống đạt hợp lệ mọi văn bản tố tụng cần thiết cho anh L biết và đến Tòa án giải quyết vụ kiện, nhưng anh L vẫn cố tình vắng mặt, không đến Tòa án giải quyết việc ly hôn, vì vậy Tòa án không ghi được lời khai của anh L và không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa lần 1 và lần 2 anh L vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Hồ sơ vụ án từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên tòa việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật. Đối với nguyên đơn trong các giai đoạn tố tụng và tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa, vì vậy đại diện Viện kiểm sát không đưa ra ý kiến về việc chấp hành pháp luật của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Th được ly hôn anh L;Về con chung xử giao con chung Nguyễn Thùy Ch, sinh ngày 25/4/2018 cho chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng, chị Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung không đặt ra giải quyết; Chị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại Thôn Đ, xã B, huyện Q, tỉnh Thái Bình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn L được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Q vào ngày 06/02/2017 là hôn nhân hợp pháp. Sau

khi kết hôn chị Th và anh L sinh sống với gia đình anh L tại thôn Đ, xã B và lao động tự do tại Hà Nội, trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Đầu năm 2020 mâu thuẫn căng thẳng, chị Th đã đưa con chung trở về nhà bố mẹ đẻ tại thôn M, xã H sinh sống và sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Th làm đơn khởi kiện đề nghị xin được ly hôn anh L. Còn đối với anh L quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ để anh L biết và đến Tòa án tham gia hòa giải, vợ chồng có cơ hội gặp gỡ trở về đoàn tụ, nhưng anh L vẫn cố tình vắng mặt. Như vậy, anh L không có thiện chí hòa giải mối quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Th. Qua xác minh lời khai ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1969, địa chỉ: Thôn Đ, xã B là bố đẻ anh L và cán bộ tư pháp xã B đều xác nhận hiện anh L đi làm ăn tự do không cố định địa chỉ, nhưng vẫn thường xuyên về nhà tại thôn Đ, xã B, anh L đã biết việc chị Th làm đơn xin ly hôn và đã nhận các giấy tờ của Tòa án tống đạt. Quan điểm của ông Tr và cán bộ tư pháp xã B đều đề nghị Tòa án căn cứ vào thực trạng hôn nhân giữa chị Th và anh L để giải quyết nguyện vọng của chị Th theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, chị Th vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị xin được ly hôn, điều đó chứng tỏ cuộc sống tình cảm vợ chồng giữa chị Th và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Th được ly hôn anh L là có căn cứ.

[4] Về con chung: Xét yêu cầu của chị Th về nuôi dưỡng con chung cho thấy, con chung Nguyễn Thùy Ch, sinh ngày 25/4/2018 hiện dưới 36 tháng tuổi, được chị Th trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng chu đáo kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, vì vậy cần xử giao con chung cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng và chị Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy phần tài sản Tòa án không xét.

[6] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Th, anh L có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2/Về con chung: Xử giao con chung Nguyễn Thùy Ch, sinh ngày 25/4/2018 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chị Th không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh L có quyền đi lại thăm nom con chung.

3/Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị Th đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004595 ngày 27/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí.

5/Về quyền kháng cáo: Chị Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Anh L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Thái Bình;
-TAND tỉnh Thái Bình;
-VKSND huyện Quỳnh Phụ;
-Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
-UBND xã B;
-Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

NGUYỄN MINH ĐỨC